

Số: /QĐ-CĐSPNĐ

Nam Định, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên
được đào tạo trình độ Cao đẳng tại trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định**

Căn cứ Luật giáo dục năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành điều lệ trường Cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-CĐSP ngày 02/01/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-CĐSP ngày 28/7/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non; Quyết định số 116/QĐ-CĐSP ngày 24/7/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ Cao đẳng tại trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 188/QĐ-CĐSP ngày 08/9/2023 về đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

Điều 3. Các đơn vị trong trường, toàn thể viên chức, giảng viên, sinh viên trong trường căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu VT, P.TC-HC.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Ngọc Hiền

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ Cao đẳng tại trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDSPND

ngày tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên (viết tắt là SV) được đào tạo trình độ Cao đẳng tại trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại kết quả và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.
2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học trình độ Cao đẳng tại trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

Điều 2. Mục đích

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trong trường nhằm:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
2. Đưa ra được những định hướng, nội dung rèn luyện cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện.
3. Góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp giáo viên mầm non trong thời đại mới.

Điều 3. Yêu cầu

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên ở nhà trường; đảm bảo khách quan, công bằng, công khai và chính xác.
2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người được đánh giá.
3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

Điều 4. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức tham gia học tập;
 - b) Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
 - c) Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm các tệ nạn xã hội;
 - d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
 - e) Ý thức, kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.
2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100. Điểm của từng nội dung và tiêu mục trong Phiếu đánh giá rèn luyện là các số nguyên.

Chương II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 5. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và thái độ trong học tập;
- b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
- c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;
- d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
- đ) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 30 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong trường;
- b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế, nếp sống văn hóa và các quy định khác được áp dụng trong trường.
- c) Ý thức và hiệu quả tham gia Tuần sinh hoạt công dân – sinh viên;
- d) Ý thức chấp hành quy định tại nơi cư trú, nội trú, ngoại trú (xác nhận của địa phương/KTX).

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động tuyển sinh;
- c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;
- b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;
- c) Ý thức tham gia các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội trong và ngoài trường;
- d) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người gặp khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 15 điểm.

Điều 9. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường;
- b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường;
- c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và nhà trường;
- d) SV đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Chương III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 70 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 60 đến dưới 70 điểm: loại trung bình khá;
- đ) Từ 50 đến dưới 60 điểm: loại trung bình;
- e) Từ 30 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- g) Dưới 30 điểm: loại kém.

3. Phân loại để đánh giá

- a) Trong thời gian SV bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình khá.
- b) Trong thời gian SV bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.
- c) SV bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.
- d) SV bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.
- e) SV hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.
- g) SV hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của SV tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.
- h) SV nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. SV căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân tự đánh giá, xác định mức điểm chi tiết (theo mẫu quy định) và nộp cho Ban cán sự lớp (SV không nộp phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của mình cho lớp theo đúng thời gian quy định thì điểm rèn luyện được tính là 0 điểm).

2. Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn cùng với giảng viên chủ nhiệm kiêm cố vấn học tập tổ chức họp để xem xét và thông qua mức điểm của từng SV trên cơ sở bản tự xác định điểm của sinh viên trong lớp. Kết quả họp được thông báo trong cuộc họp lớp. Những trường hợp có sự thay đổi điểm so với bản tự đánh giá của sinh viên đều được biểu quyết và phải được quá nửa số thành viên trong lớp đồng ý mới được công nhận. Kết quả đánh giá của lớp được lập thành biên bản gửi cho Hội đồng đánh giá cấp Khoa theo đúng thời gian quy định.
3. Hội đồng đánh giá cấp Khoa: Tiếp nhận biên bản và các tài liệu liên quan của các lớp trong Khoa, các danh sách khen thưởng, kỷ luật của tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, kí túc xá, Phòng Đào tạo – Nghiên cứu khoa học... xem xét và báo cáo Trưởng khoa, Trưởng khoa xem xét, xác nhận và trình Hội đồng đánh giá cấp trường.
4. Hội đồng đánh giá cấp trường: Tiếp nhận biên bản và các tài liệu liên quan của các Khoa; xem xét và trình Hiệu trưởng. Hiệu trưởng xem xét và công nhận.
5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của SV được công bố công khai và thông báo cho SV biết trước 03 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV cấp trường xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng SV và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.
 - a) Thành phần Hội đồng cấp trường gồm:
 - Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền.
 - Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.
 - Thư ký Hội đồng: cán bộ phòng Tổ chức – Hành chính phụ trách công tác sinh viên.
 - Các uỷ viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng có liên quan; đại diện Đoàn thanh niên và Hội SV trường.
 - b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV cấp trường: căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng đánh giá cấp khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

2. Khoa Giáo dục Mầm non thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV cấp khoa.

a) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.
- Các ủy viên: giảng viên làm công tác chủ nhiệm lớp, trợ lý theo dõi công tác SV của khoa

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của SV cấp khoa:

Căn cứ các quy định hiện hành, căn cứ văn bản đề nghị của các lớp để tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV; đề nghị trưởng khoa xem xét xác nhận; hoàn tất các văn bản chuyển lên Hội đồng cấp Trường.

Điều 13. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện

1. Nguyên tắc “phù hợp”: Điểm đánh giá rèn luyện của mỗi SV phải phù hợp với mức độ và kết quả phấn đấu của SV
2. Nguyên tắc “giới hạn tối đa”: Điểm đánh giá rèn luyện theo từng mặt rèn luyện và tổng điểm đánh giá kết quả rèn luyện của mỗi SV trong từng học kỳ không vượt quá khung điểm tối đa.
3. Nguyên tắc “không tính trùng”: Mỗi nội dung, kết quả rèn luyện của SV chỉ được xem xét, đánh giá điểm 1 lần
4. Nguyên tắc “đúng thời hạn”: Không xét bổ sung sau khi Hội đồng cấp khoa đã gửi văn bản cho Hội đồng cấp trường.

Điều 14. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của từng SV được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học.
2. Thời hạn Hội đồng cấp khoa nộp điểm rèn luyện cho thường trực Hội đồng cấp trường là: Tuần thứ 3 sau khi SV thi kết thúc học kỳ.
3. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được trong phiếu đánh giá chi tiết của nhà trường.
4. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó. SV nghỉ học tạm thời, khi nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không tính điểm rèn luyện.
5. Điểm rèn luyện trong năm học/toàn khóa là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học/khóa học.

Điều 15. Sử dụng kết quả rèn luyện

1. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của từng SV được lưu trong hồ sơ quản lý SV của trường trong vòng 05 năm sau khi sinh viên tốt nghiệp và ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của từng SV khi ra trường.
2. Kết quả đánh giá rèn luyện của SV được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng – kỷ luật, học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, kết nạp Đảng, xét thôi học, ngừng học, xét tốt nghiệp, làm khóa luận cuối khóa và các nội dung khác.
3. SV bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học một kỳ ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 16. Quyền khiếu nại

SV có quyền khiếu nại lên các phòng, ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định hiện hành.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan

1. Hội đồng đánh giá Khoa Giáo dục Mầm non có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ ghi ở điều 12, trả lời thắc mắc, khiếu nại của SV ghi ở điều 16 của quy định này.
2. Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học, Trung tâm Khảo thí - Tuyển sinh và Dịch vụ giáo dục chuyển điểm thi lần đầu và các tài liệu liên quan cho phòng Tổ chức - Hành chính và khoa Giáo dục Mầm non để phục vụ cho việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV chậm nhất là 07 ngày sau khi SV thi xong học kỳ.
3. Phòng Tổ chức - Hành chính, Ủy viên thường trực hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện SV cấp trường có trách nhiệm: Đánh giá điểm rèn luyện từng kỳ, từng năm học và toàn khóa cho từng SV, xử lý sau khi có kết quả đánh giá kết quả rèn luyện của SV, tiếp nhận, báo cáo với Hiệu trưởng về các đề nghị, khiếu nại của SV và trả lời cho SV (nếu được Hiệu trưởng ủy quyền).
4. Các đơn vị liên quan khác như: Đoàn thanh niên, Hội SV, Ban quản lý KTX, Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học... gửi các văn bản có liên quan đề nghị khen thưởng, kỷ luật của SV cho Khoa Giáo dục Mầm non và Phòng Tổ chức – Hành chính khi SV thi hết học kỳ để hợp đánh giá kết quả rèn luyện.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này áp dụng cho tất cả các khóa thuộc các hệ đào tạo cao đẳng của trường từ năm học 2025 - 2026 và thay thế các văn bản trước đây về đánh giá điểm rèn luyện của SV trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Nhà trường thông qua phòng Tổ chức - Hành chính để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng xem xét, giải quyết./.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
Năm học 20..... – 20.....

Họ và tên: Ngày sinh:
Lớp: Học kì: Năm học:

Nội dung đánh giá	Điểm (SV tự đánh giá)	Điểm (Lớp đánh giá)	Điểm (Khoa đánh giá)
I. Đánh giá về ý thức tham gia học tập (điểm tối đa 30 điểm):			
1. Ý thức và thái độ trong học tập:			
- Đi học đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học; đủ điều kiện dự thi tất cả các học phần: (Nghỉ học 1 buổi không phép, 2 buổi có phép, đi muộn 3 buổi: trừ 01 điểm) 4 điểm			
- Không bị thi lại học phần nào (mỗi lượt thi lại trừ 01 điểm) 4 điểm			
2. Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học do khoa và Nhà trường tổ chức:			
- Tham gia đầy đủ các buổi rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP): 2 điểm			
- Có tham gia thi NVSP; đăng kí, thực hiện, báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học đúng tiến độ hoặc có đăng kí, tham dự kì thi sinh viên giỏi các cấp:			
+ Cấp khoa: 2 điểm			
+ Cấp trường trở lên: 4 điểm			
- Có tham gia và đạt giải (Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích) tại các cuộc thi NVSP, các hoạt động học thuật:			
+ Cấp khoa: 1 - 4 điểm			
+ Cấp trường trở lên: 3 - 6 điểm			
- Được biểu dương, khen thưởng trong đợt KT, TTSP: 4 điểm			
3. Ý thức và thái độ tham gia kì thi kiểm tra đánh giá các học phần:			
- Không vi phạm quy chế thi và kiểm tra: 6 điểm			
- Vi phạm 1 lần trừ 03 điểm, từ lần vi phạm thứ 2 trở lên không có điểm (cho 0 điểm)			
4. Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập:			
- Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập được tập thể lớp công nhận: 2 điểm			
- Có điểm học phần học kì sau cao hơn học kì trước hoặc duy trì kết quả học tập ở mức cao từ 3,6 trở lên (đối với sinh viên năm thứ nhất, học kì 1 không có điểm TBC học kì dưới 2,0) 2 điểm			
5. Đánh giá về kết quả học tập (chỉ tính điểm thi lần 1, theo thang điểm 4):			
- Có điểm TBCHT từ 2,0 đến dưới 2,5: 3 điểm			
- Có điểm TBCHT từ 2,5 đến dưới 3,2: 4 điểm			
- Có điểm TBCHT từ 3,2 đến dưới 3,6: 5 điểm			
- Có điểm TBCHT từ 3,6 trở lên: 6 điểm			
Cộng mục I			
II. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường (điểm tối đa 25 điểm):			
1. Thực hiện quy chế nội trú hoặc ngoại trú (Có ý kiến xác nhận của địa phương hoặc Ban Quản lí KTX trong sổ theo dõi Nội - Ngoại trú):			
+ Thực hiện tốt quy chế nội, ngoại trú theo quy định: 6 điểm			
+ Được địa phương hoặc Ban Quản lí KTX biểu dương: 7 điểm			
+ Thiếu xác nhận hoặc xác nhận chưa đúng quy định của Ban Quản lí KTX hoặc địa phương trong sổ theo dõi Nội – Ngoại trú: trừ 3 điểm			
2. Thực hiện tốt Nội quy giao tiếp và ứng xử của sinh viên, học viên theo quy định của Nhà trường: 8 điểm			
+ Mỗi một vi phạm bị phản ánh trừ 1 điểm			
+ Vi phạm từ lần thứ 3 trở lên không có điểm (0 điểm)			
3. Tham gia đầy đủ, đạt yêu cầu “Tuần Sinh hoạt công dân - sinh viên” (đánh giá chung cho cả hai học kì trong năm học): 6 điểm			
+ Vắng không có phép: mỗi một buổi trừ 1 điểm			
+ Tham gia nhưng kết quả không đạt, phải học lại: trừ 4 điểm			

+ Không tham gia hoặc nghỉ không có lí do chính đáng phải học lại: trừ 6 điểm			
4. Được biểu dương khen thưởng về việc thực hiện nội quy, quy chế từ cấp khoa trở lên: 4 điểm			
Cộng mục II			
III. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (điểm tối đa 20 điểm):			
1. Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao:			
- Tích cực tham gia đầy đủ, nghiêm túc các hoạt động rèn luyện về chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao do Khoa, Đoàn - Hội, Nhà trường tổ chức, điều động: 8 điểm (Mỗi đợt tham gia được cộng 1 điểm, tối đa 8 điểm)			
- Tham gia các hoạt động trên và đạt giải (Nhất, Nhì, Ba, <u>Khuyến khích</u>) 1 - 4 điểm			
2. Tích cực trong công tác tuyên truyền tuyển sinh của nhà trường: 1- 4 điểm			
3. Ý thức tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong nhà trường: 2 điểm			
4. Được biểu dương khen thưởng do có thành tích tham gia các hoạt động trên trong và ngoài trường ở			
+ Cấp khoa: 4 điểm			
+ Cấp trường trở lên: 6 điểm			
Cộng mục III			
IV. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng (điểm tối đa 15 điểm):			
1. Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng			
+ Không vi phạm pháp luật của Nhà nước: 5 điểm			
+ Tích cực tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước trong cộng đồng: 2 điểm			
2. Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người gặp khó khăn, hoạn nạn: 2 điểm			
3. Có mối quan hệ tốt trong lớp, trong trường, không gây mất đoàn kết, bản thân có đóng góp tích cực đối với tập thể: 2 điểm			
4. Tham gia các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội trong và ngoài trường (có minh chứng; nếu SV được tính điểm ở cả 2 mức dưới đây thì sẽ chọn tính điểm ở mức cao hơn):			
+ Tích cực tham gia các hoạt động 1 - 3 điểm			
+ Tích cực tham gia và được Nhà trường, tổ chức, địa phương khen thưởng, biểu dương hoặc cấp giấy chứng nhận (Giấy chứng nhận hiến máu, được khen thưởng về việc tham gia hoạt động tình nguyện, cứu người...): 4 điểm			
Cộng mục IV			
V. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (điểm tối đa 10 điểm):			
1. Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường: (do Khoa và Đoàn TN, Hội SV đánh giá)			
+ Lớp trưởng, Bí thư Chi đoàn, Chi hội trưởng Hội sinh viên: 10 điểm			
+ Lớp phó, Phó bí thư: 8 điểm			
+ Tổ trưởng, UV BCH Chi đoàn, UV BCH Chi hội Sinh viên; thành viên của các ban chuyên môn Đoàn, Hội Sinh viên: 6 điểm			
2. Người học đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: được đánh giá Đoàn viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đạt danh hiệu Sinh viên 5 tốt cấp trường trở lên, được khen thưởng từ cấp Trường trở lên, được kết nạp Đảng, hoặc Đảng viên phấn đấu tốt: 4 - 6 điểm			
Cộng mục V			
Tổng cộng			

- Xếp loại của cá nhân: Tổng số điểm:

Xếp loại KQRL:

- Xếp loại của lớp và GVCN: Tổng số điểm:

Xếp loại KQRL:

- Ban Chủ nhiệm khoa duyệt: Tổng số điểm:

Xếp loại KQRL:

Ngày tháng năm

SINH VIÊN
(Kí, ghi rõ họ tên)

LỚP TRƯỞNG
(Kí, ghi rõ họ tên)

GVCN - CVHT
(Kí, ghi rõ họ tên)

BCN KHOA
(Kí, ghi rõ họ tên)